

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 4 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, nợ chung khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoà và bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, trả nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2025/QĐST-DS ngày 25 thán 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo Á, sinh năm 1977;

Bị đơn: Ông Lê Văn B – sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Bà Á có mặt; ông B vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Ngân hàng C3; địa chỉ: Số A, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc H - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã C3; địa chỉ: Tổ dân phố F, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Bùi Ngọc H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/9/2024 và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo Á trình bày:

Bà và ông Lê Văn B có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là xã P, thị xã Đ). Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông B thường xuyên uống rượu, bia say xỉn về nhà gây gỗ, đánh bà và chửi bới xúc phạm gia đình bà. Từ đó vợ chồng tình cảm lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân. Bà Á xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung tên là Lê Hoàng C - sinh ngày 19/5/2015, Lê Nguyễn Huyền T2 – sinh ngày 25/12/2004, Lê Thị Trang H1 – sinh ngày 23/3/2006. Nếu vợ chồng ly hôn bà yêu cầu nuôi Lê Hoàng C, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi C mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi; đối với Lê Nguyễn Huyền T2 và Lê Thị Trang H1 đã đủ tuổi công dân, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Hiện vợ chồng còn nợ những người sau: Nợ chị ruột của bà là Nguyễn Thị T02 chỉ vàng 24K 97%; nợ chị ruột của bà là Nguyễn Thị M02 chỉ vàng 24K 97%; nợ chị dâu của ông B là Nguyễn Thị C1 01 chỉ vàng 24K 97%. Toàn bộ số nợ này vợ chồng mượn năm 2011 dùng để làm nhà; nếu vợ chồng ly hôn thì vợ chồng cùng có trách nhiệm mỗi người trả một nửa.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng vay của Ngân hàng C3 – Phòng C3 là do ông B tự ý vay tiêu xài cá nhân, bà không sử dụng số tiền này. Do đó số nợ vay Ngân hàng C3 là nợ riêng của ông B nên ông B có trách nhiệm trả, bà không có trách nhiệm trả đối với khoản nợ này. Bà không có chứng cứ chứng minh số tiền 30.000.000 đồng vay của Ngân hàng C3 là nợ riêng của ông B.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn B trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Bảo Á tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là xã P, thị xã Đ) vào năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã; vợ chồng không sống chung từ tháng 7/2024 đến nay. Bà Á yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như nguyên đơn trình bày; hiện nay cháu Lê Hoàng C đang ở với mẹ; nếu C có nguyện vọng ở với mẹ thì ông không

đồng ý cấp dưỡng cho con. Đối với Lê Nguyễn Huyền T2 và Lê Thị Trang H1 đã đủ tuổi công dân, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ của Ngân hàng C3 số tiền vay gốc là 30.000.000đồng và tiền lãi phát sinh, mục đích vay để nuôi bò sinh sản; ngoài ra vợ chồng không còn nợ ai khác. Việc bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả nợ vàng thì ông không đồng ý vì vợ chồng ông không có nợ vàng của hai bà này.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 09/10/2024 và trong quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C3 trình bày:

Theo đề nghị ngày 03/3/2021 của Chủ tịch UBND xã P cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; ngày 14/03/2021 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã C3 đã giải ngân cho ông Lê Văn B vay số tiền 30.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7086571022/2021/HĐ-TD ngày 04/03/2021, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất vay: 7,92% /năm, hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/3/2026, bà Nguyễn Thị Bảo Á (là vợ của ông Lê Văn B) là người thừa kế.

Ngân hàng C3 đã nhận thông báo của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ đang giải quyết vụ án dân sự về việc “ly hôn” giữa bà Nguyễn Thị Bảo Á và ông Lê Văn B. Nay Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ buộc bà Nguyễn Thị Bảo Á và ông Lê Văn B trả cho Ngân hàng C3 số tiền vay gốc và lãi tính đến hết ngày 15/4/2024 là 30.006.511 đồng (trong đó tiền vay gốc là 30.000.000đồng; tiền lãi là 6.511 đồng) và ông B, bà Á tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày 15/4/2025 theo mức lãi đã thỏa thuận đến khi trả xong nợ.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 22/11/2024 và trong quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:

Năm 2011 vợ chồng ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Bảo Á mượn của bà 0 chỉ vàng 24K để làm nhà, khi mượn không có viết giấy tờ gì. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông B, bà Á trả cho bà 02 chỉ vàng 24K, không yêu cầu trả lãi. Ngày 25/3/2025 bà M có đơn xin rút đơn khởi kiện yêu cầu độc lập.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 18/10/2024 và trong quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2011 vợ chồng ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Bảo Á mượn của bà 0 chỉ vàng 24K để làm nhà, khi mượn không có viết giấy tờ gì. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông B, bà Á trả cho bà 02 chỉ vàng 24K, không yêu cầu trả lãi. Ngày 25/3/2025 bà T có đơn xin rút đơn khởi kiện yêu cầu độc lập.

Tòa án đã thông báo cho bà Nguyễn Thị C2 biết về khoản nợ 01 chỉ vàng 24K mà bà Á khai; tuy nhiên bà C2 có bản trình bày ý kiến không khởi kiện yêu cầu bà Á, ông B trả nợ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, bà M và Ngân hàng Chính sách xã hội chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Bảo Á được ly hôn ông Lê Văn B; Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Hoàng C cho bà Nguyễn Thị Bảo Á trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; buộc ông B cấp dưỡng cho con Lê Hoàng C mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi C đủ 18 tuổi. Về nợ chung: Đề nghị buộc bà Á và ông B mỗi người chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc, lãi cho Ngân hàng C3. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị T. Ông B và bà Á không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo Á có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Văn B ở xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện hợp pháp Ngân hàng C3 và bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C3, bà M.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bảo Á và ông Lê Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là xã P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi; do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Á và ông B là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi vã và xô xát. Bà Á và ông B sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay, không còn quan tâm gì với nhau, ông B cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Á và ông B đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Bảo Á được ly hôn ông Lê Văn B.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Bảo Á và ông Lê Văn B có 3 con chung tên là Lê Hoàng C - sinh ngày 19/5/2015, Lê Nguyễn Huyền T2 – sinh ngày 25/12/2004, Lê Thị Trang H1 – sinh ngày 23/3/2006. Bà Á yêu cầu trực tiếp nuôi Lê Hoàng C, yêu cầu ông B cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi C đủ 18 tuổi;

ông Lê Văn B không đồng ý cấp dưỡng nếu C ở với mẹ. Đối với Lê Nguyễn Huyền T2 và Lê Thị Trang H1 đã đủ tuổi công dân, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên ông B, bà Á không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu của bà Á và ý kiến của ông B về nuôi con chung khi ly hôn thấy rằng: Cháu Châu hiện ở với mẹ và có nguyện vọng ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu C, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu C cho bà Á trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; buộc ông B phải cấp dưỡng cho con Lê Hoàng C mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu C đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/4/2025. Đối với Lê Nguyễn Huyền T2 và Lê Thị Trang H1 đã đủ tuổi công dân, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; ông B, bà Á không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Á và ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về nợ chung:

[6.1] Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C3: Bà Á và ông B thừa nhận ông B có ký hợp đồng vay tiền và hiện còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội 30.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà Á không chấp nhận nợ chung của vợ chồng và cho rằng khoản nợ này ông B tự vay và tiêu xài cá nhân nên ông B tự chịu trách nhiệm riêng trả nợ cho Ngân hàng chứ bà không đồng ý cùng trả với ông B. Ông B cho rằng số tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội 30.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh là nợ chung của ông và bà Á, yêu cầu vợ chồng cùng trả khoản nợ này.

Xét trình bày của ông B, bà Á thấy rằng: Ông Lê Văn B và Ngân hàng C3 ký Hợp đồng tín dụng số 7086571022/2021/HĐ-TD ngày 04/03/2021, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất vay: 7,92% /năm, mục đích vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 03/3/2021 ông B vay để nuôi bò sinh sản làm kinh tế gia đình. Do đó căn cứ các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình buộc bà Á cùng chịu trách nhiệm với ông B trả nợ cho Ngân hàng C3. Theo tài liệu chứng cứ Ngân hàng C3 cung cấp tính đến ngày 15/4/2025 ông B, bà Á còn nợ 30.006.511 đồng (trong đó tiền vay gốc là 30.000.000 đồng; tiền lãi là: 6.511 đồng), bà Á thừa nhận tài liệu chứng cứ Ngân hàng chính sách xã hội cung cấp là đúng. Do đó chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C3, buộc bà Á và ông B mỗi người phải trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 15/4/2025 là 3.255 đồng; ông B, bà Á còn phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày 15/4/2025 trên số dư nợ gốc của mỗi người phải trả theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7086571022/2021/HĐ-TD ngày 04/03/2021 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng C3.

[6.2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị T đã rút đơn khởi kiện yêu cầu độc lập. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ đối với khởi kiện yêu cầu độc lập của bà M và bà T.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Bảo Á phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng cho con. Ông B và bà Á mỗi người phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ phải trả cho Ngân hàng C3.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị T.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 27, 37, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bảo Á được ly hôn ông Lê Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng C - sinh ngày 19/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Bảo Á trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; buộc ông Lê Văn B phải cấp dưỡng cho con Lê Hoàng C mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu C đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/4/2025. Đối với Lê Nguyễn Huyền T2 và Lê Thị Trang H1 đã đủ tuổi công dân, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên ông B, bà Á không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đối với con chung mà không ai được cản trở. Sau khi ly hôn đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải thi hành thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Bà Á, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C3. Buộc bà Nguyễn Thị Bảo Á và ông Lê Văn B mỗi người phải trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 15/4/2025 là 3.255 đồng; ông B, bà Á tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 15/4/2025 trên số dư nợ gốc của mỗi người phải trả theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7086571022/2021/HĐ-TD ngày 04/03/2021 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng C3.

Đình chỉ xét xử đối với khởi kiện yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị T.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bảo Á phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002679 ngày 02 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con.

Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Bảo Á mỗi người phải chịu 750.000 đồng (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ phải trả cho Ngân hàng C3.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M 400.000 đồng (*bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004337 ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 400.000 đồng (*bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004283 ngày 18 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TX.Đức Phổ;
- Chi cục THADS TX.Đức Phổ;
- UBND xã Phổ Phong;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Phạm Minh Trung